

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31-3-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Thi

2. Bà Trần Thị Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Mai Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn N, L, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn N, L, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Xuân T ngày 21 tháng 2 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống tại thôn 2, Tràng Duệ, xã L đến năm 2019 thì chuyển về sống tại thôn N, L, xã L, huyện A,

thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh T cờ bạc, chơi bời không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng tuy cùng chung sống một nhà nhưng đã ly thân từ tháng 10 năm 2020, không ai còn quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Xuân T có hai con chung là Hoàng Hải Y, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2014 và Hoàng Kỳ D, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án chị L đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng nhưng tại bản tự khai ngày 26 tháng 3 năm 2021 chị L thay đổi quan điểm về con chung, chị đề nghị Tòa án giao con chung Hoàng Kỳ D cho chị nuôi dưỡng và giao con chung Hoàng Hải Y cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 01 năm 2021 và quá trình tố tụng bị đơn anh Hoàng Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai chị L đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ có một số mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng xây nhà nên khó khăn về kinh tế. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng có thể khắc phục đoàn tụ được và anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Mai Thị L có hai con chung như chị L trình bày. Nếu giải quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử

cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Hoàng Xuân T. Về con chung: Giao con chung Hoàng Kỳ D cho chị Mai Thị L nuôi dưỡng và giao con chung Hoàng Hải Y cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Mai Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Xuân T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ **khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Xuân T.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 02 năm 2011, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế. Anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng tại phiên hòa giải lần thứ hai và tại các phiên tòa anh T đều vắng mặt không có lý do, chị L không đồng ý đoàn tụ nên không hòa giải được. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị L đưa ra là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T có hai con chung là Hoàng Hải Y, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2014 và Hoàng Kỳ D, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011. Chị L và anh T có tranh chấp về việc nuôi con. Xét, chị L và anh T đều có công việc và thu nhập, điều kiện nuôi dưỡng con chung ngang nhau nên giao cho chị L và anh T mỗi người nuôi một con, cụ thể giao con Hoàng Kỳ D cho chị L nuôi dưỡng và giao con Hoàng Hải Y cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T đều có quan điểm không yêu cầu quyết nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị L được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

2. Về con chung: Giao con Hoàng Kỳ D, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2011 cho chị Mai Thị L nuôi dưỡng và giao con Hoàng Hải Y, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2014 cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

3. Về tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Mai Thị L đã nộp theo Biên lai thu tiền **số 0012927** ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên chị L không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong T hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thi    Trần Thị Thúy**

**Nguyễn Thị Liên**